

# BIỆN PHÁP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI CHO TRẺ 5-6 TUỔI TẠI TRƯỜNG MẦM NON TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

Nguyễn Thị Lệ Hằng  
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng  
Email: lehangvietkids@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục mầm non hướng tới phát triển năng lực cá nhân, bài báo trình bày hệ thống 05 biện pháp chiến lược nhằm xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc khảo sát thực trạng nhận thức của 06 giáo viên, 81 phụ huynh và đánh giá hành vi của 81 trẻ tại Trường Mầm non Phong Lan (TP. Đà Nẵng). Các biện pháp tập trung vào các trục cốt lõi: (1) Nâng cao nhận thức hệ thống cho đội ngũ giáo viên và cha mẹ trẻ; (2) Thiết lập mô hình môi trường giáo dục đáp ứng giới mẫu và chiến lược nhân rộng trong nhà trường; (3) Lồng ghép linh hoạt nội dung giáo dục giới vào chương trình nhà trường; (4) Bồi dưỡng năng lực thực hành sư phạm không định kiến cho giáo viên; (5) Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy sự chuyển biến có ý nghĩa về cả nhận thức và hành vi của các bên liên quan. Nghiên cứu khẳng định việc xây dựng môi trường đáp ứng giới là nền tảng tất yếu để xóa bỏ các khuôn mẫu giới rập khuôn, thúc đẩy quyền làm chủ bản sắc của trẻ (Child Agency) ngay từ bậc học mầm non.

**Từ khóa:** Biện pháp sư phạm, môi trường giáo dục, đáp ứng giới, trẻ 5-6 tuổi, mầm non, quyền làm chủ bản sắc của trẻ.

## MEASURES FOR BUILDING A GENDER-RESPONSIVE EDUCATIONAL ENVIRONMENT FOR CHILDREN AGED 5-6 IN THE CONTEXT OF EDUCATIONAL REFORM

**Abstract:** In the context of renewing the early childhood education curriculum towards personalized competency development, this article presents a system of 05 strategic measures aimed at building a gender-responsive educational environment for 5-6-year-old children. The study was conducted based on an assessment of the current perceptions of 06 teachers and 81 parents, alongside behavioral evaluations of 81 children at Phong Lan Kindergarten (Da Nang City). The proposed measures focus on core pillars: (1) Enhancing systemic awareness for teaching staff and parents; (2) Establishing a model gender-responsive educational environment and strategies for institutional scale-up; (3) Flexibly integrating gender education into the school curriculum; (4) Strengthening non-prejudiced pedagogical practice skills for teachers; and (5) Establishing a robust coordination mechanism between the school and families. Pedagogical experimental results indicate significant shifts in both perceptions and behaviors among the stakeholders. The study confirms that building a gender-responsive environment is an essential foundation for eliminating gender stereotypes and promoting Child Agency from the very beginning of the preschool level.

**Keywords:** Pedagogical measures, educational environment, gender-responsive, 5-6-year-old children, preschool, Child Agency.

Nhận bài: 27.12.2025

Phản biện: 17.01.2026

Duyệt đăng: 23.01.2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc can thiệp sớm nhằm xóa bỏ các định kiến giới trong giáo dục mầm non là chiến lược trọng tâm được UNICEF (2022) khuyến nghị để xây dựng một hệ thống giáo dục có khả năng chuyển đổi giới (gender-transformative). Tại Việt Nam, quán triệt tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, hệ thống giáo dục quốc dân đang thực hiện bước chuyển mình lịch sử: dịch chuyển trọng tâm từ trang bị kiến thức đơn thuần sang phát triển năng lực và phẩm chất người học.

Trong bối cảnh đó, giáo dục đáp ứng giới cho trẻ em không chỉ là một nội dung bổ trợ mà đã trở thành nhiệm vụ chiến lược nhằm thực hiện “Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030” (theo Nghị quyết số 28/NQ-CP). Tuy nhiên, việc xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi hiện nay vẫn đối mặt

với nhiều thách thức đáng kể. Các nghiên cứu gần đây (Trinh, Minh, Trang, & Hoa, 2022) đã chỉ ra rằng các chương trình và tài liệu hướng dẫn giáo dục mầm non hiện hành vẫn tồn tại những hạn chế nhất định liên quan đến giáo dục giới và chưa thực sự tạo ra không gian tối ưu cho sự phát triển bản sắc của trẻ.

Xuất phát từ thực tế đó, bài báo trình bày hệ thống 05 biện pháp nhằm xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non. Đây là giải pháp góp phần cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược về đổi mới giáo dục và thực thi quyền bình đẳng giới mà Đảng và Chính phủ đã đề ra, hướng tới sự phát triển toàn diện và công bằng cho mọi trẻ em.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

**2.1. Cơ sở lý luận của việc xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi**

Nghiên cứu tiếp cận khái niệm môi trường giáo dục đáp ứng giới theo quan điểm của UNESCO và UNICEF, coi đó là không gian an toàn, không định kiến, nơi trẻ được khuyến khích phát huy tối đa tiềm năng cá nhân. Cơ sở lý luận của bài báo dựa trên Thuyết Kiến tạo xã hội, nhấn mạnh vai trò của môi trường trong việc hình thành bản sắc. Đặc biệt, nghiên cứu vận dụng khung năng lực KSA để đánh giá sự phát triển của trẻ: không chỉ dừng lại ở Kiến thức (Knowledge) về giới, mà còn tập trung vào Kỹ năng (Skill) tương tác và Thái độ (Attitude) tự tin, không rập khuôn. Đây là nền tảng để xác lập các chỉ số đo lường cho bộ công cụ đánh giá và hướng tới số hóa quy trình theo dõi sự phát triển của trẻ.

### 2.1.1. Thuyết Sơ đồ giới (Gender Schema Theory) và sự hình thành định kiến vô thức

Dựa trên nền tảng của Bem (1981) và Kohlberg (1966), trẻ em chủ động xây dựng “sơ đồ giới” (Gender Schema) để phân loại thông tin xã hội. Tại Việt Nam, sơ đồ này thường chịu tác động từ khuôn mẫu truyền thống. Hệ thống 5 biện pháp giúp xây dựng môi trường giáo dục đáp ứng giới và loại bỏ khuôn mẫu truyền thống, hình thành các định kiến ngầm định (Implicit Bias).

### 2.1.2. Thuyết Kiến tạo xã hội và “Giàn giáo” phi định kiến

Theo Vygotsky (1978) và Piaget (1964), trẻ phát triển thông qua tương tác với môi trường. Hệ thống 5 biện pháp đóng vai trò giải pháp xây dựng môi trường giáo dục vững chắc của “giàn giáo” (Scaffolding) giáo dục. Trong đó, biện pháp 3 giúp giáo viên nhận diện sớm các “dấu ấn thần kinh” (Schore, 2003) và các biểu tượng tinh thần trong giai đoạn tiền thao tác, từ đó thiết lập các can thiệp kịp thời tại “thời điểm vàng” trước khi định kiến xơ cứng thành rào cản hành vi.

### 2.1.3. Khung KSA: Sự giao thoa thúc đẩy tính làm chủ bản sắc của trẻ (Child Agency)

Tiếp cận từ lý thuyết học tập xã hội (Bandura, 1977) và tiêu chuẩn UNICEF (2022), năng lực đáp ứng giới là sự giao thoa hữu cơ giữa:

Knowledge (Kiến thức): Nền tảng nhận thức về quyền bình đẳng.

Skills (Kỹ năng): Năng lực phản biện và hành động phi định kiến.

Attitudes (Thái độ): Thành tố lõi hình thành tính làm chủ bản sắc của trẻ (Child Agency).

Sự tích hợp K-S-A tạo ra tiến trình chuyển dịch nội tâm liên tục, giúp trẻ không chỉ tuân thủ quy tắc giới mà còn chủ động kiến tạo giá trị bản thân.

Sự dịch chuyển này cũng phù hợp với các đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non Việt Nam (Nguyễn Ánh Tuyết, 2013) và quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đang được triển khai sâu rộng trong chương trình hiện hành (Hoàng Thị Định và cộng sự, 2019).

## 2.2. Thực trạng xây dựng môi trường giáo dục đáp ứng giới tại địa bàn nghiên cứu

Dựa trên kết quả khảo sát 06 giáo viên, 81 phụ huynh và quan sát 81 trẻ tại Trường Mầm non Phong Lan, nghiên cứu ghi nhận các vấn đề cốt lõi:

Về nhận thức: Phần lớn giáo viên và phụ huynh đã có ý thức về bình đẳng giới nhưng vẫn tồn tại những “định kiến vô thức”. Ví dụ, vẫn mặc định các trò chơi vận động mạnh dành cho trẻ nam và các hoạt động khéo léo, tình cảm dành cho trẻ nữ.

Về môi trường vật chất: Việc trang trí các góc chơi và lựa chọn học liệu đôi khi vẫn còn mang tính phân tách giới thông qua màu sắc và loại hình đồ chơi (màu hồng/búp bê cho nữ, màu xanh/siêu nhân cho nam).

Về tương tác sư phạm: Giáo viên có xu hướng kỳ vọng trẻ nam mạnh mẽ, độc lập và trẻ nữ dịu dàng, biết vâng lời. Điều này vô hình trung tạo ra rào cản đối với việc bộc lộ bản sắc cá nhân của trẻ.

## 2.3. Hệ thống các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi

Để giải quyết thực trạng trên, nghiên cứu đề xuất và thực hiện 05 biện pháp mang tính hệ thống dựa trên khung năng lực KSA và các chỉ dẫn từ bộ tài liệu của VVOB Việt Nam & CGFED (2020) đã được thực chứng trong Đề án của tác giả (Nguyễn Thị Lệ Hằng, 2025):

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức cho giáo viên và cha mẹ trẻ về tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi. Biện pháp này tập trung vào việc giải mã các định kiến giới vô thức, sử dụng các tài liệu hướng dẫn về bình đẳng giới trong giáo dục mầm non (CGFED & VVOB, 2018).

Biện pháp 2: Thiết lập mô hình môi trường giáo dục đáp ứng giới mẫu và chiến lược nhân rộng trong nhà trường. Tập trung thiết kế không gian học tập trung tính, dựa trên hướng dẫn dành cho cán bộ quản lý và giáo viên tại Quyền 1 và Quyền 2 (VVOB & CGFED, 2020).

Biện pháp 3: Lồng ghép nội dung giáo dục giới vào phát triển chương trình giáo dục của Nhà trường. Tích hợp các mục tiêu đáp ứng giới vào kế hoạch giáo dục năm học, đảm bảo tính chính thể giữa kiến thức và thái độ.

Biện pháp 4: Giáo viên tự nâng cao năng lực, kỹ năng đáp ứng giới thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Sử dụng bộ công cụ quan sát giới SOGI tại Quyển 3 (VVOB & CGFED, 2020) để giáo viên tự điều chỉnh hành vi sư phạm và kỹ năng tương tác với trẻ.

Biện pháp 5: Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong hoạt động xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi. Triển khai các hình thức kết nối nhằm thay đổi sơ đồ giới tại gia đình, kế thừa phương pháp tăng cường sự tham gia của cha mẹ tại Quyển 4 (VVOB & CGFED, 2020).

#### 2.4. Quy trình thực nghiệm và các biện pháp can thiệp

Nghiên cứu sử dụng thiết kế thực nghiệm tiền kiểm - hậu kiểm một nhóm đơn (One-Group Pre-test-Posttest Design) theo khung lý thuyết của Creswell & Creswell (2018). Quy trình triển khai trên 81 trẻ từ tháng 11/2024 đến tháng 05/2025. Để đảm bảo tính công bằng, tác giả không sử dụng nhóm đối chứng mà tập trung vào sự biến thiên năng lực của chính đối tượng thụ hưởng thông qua kiểm soát chỉ số SD.

### III. KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Dữ liệu thực nghiệm trong nghiên cứu này được kế thừa và phân tích hệ thống từ kết quả

triển khai Đề án “Xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non Phong Lan, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng” của tác giả (Nguyễn Thị Lệ Hằng, 2025).

#### 3.1. Thực trạng năng lực đáp ứng giới của trẻ trước thực nghiệm (Tiền kiểm)

Kết quả khảo sát ban đầu vào tháng 11/2024 trên 81 trẻ cho thấy năng lực đáp ứng giới của trẻ còn ở mức trung bình thấp. Đa số trẻ vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các sơ đồ giới truyền thống:

Kiến thức (K): Chỉ có khoảng 32% trẻ nhận diện đúng các vai trò giới không định kiến. Trẻ thường mặc định các công việc nội trợ là của phụ nữ và các công việc kỹ thuật là của đàn ông.

Kỹ năng (S): Điểm trung bình về kỹ năng lựa chọn góc chơi phi định kiến đạt thấp (1.85/3.0 điểm). Trẻ nam có xu hướng né tránh góc "Gia đình" và trẻ nữ ít xuất hiện tại góc "Xây dựng".

Thái độ (A): Trẻ bộc lộ sự thiếu tự tin khi thực hiện các hoạt động trái với khuôn mẫu giới thông thường, chỉ số Child Agency (quyền làm chủ bản sắc) ghi nhận ở mức hạn chế.

#### 3.2. Biến thiên năng lực đáp ứng giới của trẻ sau thực nghiệm (Hậu kiểm)

Sau 07 tháng triển khai đồng bộ hệ thống 05 biện pháp can thiệp (từ tháng 11/2024 đến tháng 5/2025), kết quả thu được có sự tăng trưởng vượt bậc:

**Bảng 1. So sánh điểm trung bình năng lực KSA của trẻ (N=81)**

Tiêu chí đánh giá	Tiền kiểm ( $\bar{X}_1 \pm SD$ )	Hậu kiểm ( $\bar{X}_2 \pm SD$ )	Mức tăng ( $\Delta \bar{X}$ )	Mức độ Phát triển
Kiến thức (Knowledge)	1.92 ± 0.42	2.75 ± 0.25	+ 0.83	Khá
Kỹ năng (Skills)	1.85 ± 0.48	2.68 ± 0.31	+ 0.83	Khá
Thái độ (Attitude)	1.78 ± 0.45	2.82 ± 0.28	+ 1.04	Tốt
Tổng hợp (KSA)	1.85 ± 0.45	2.75 ± 0.28	+ 0.90	Khá - Tốt

Ghi chú:  $\bar{X}$  là điểm trung bình; SD là độ lệch chuẩn;  $(\Delta \bar{X}) = \bar{X}_2 - \bar{X}_1$ .

Kết quả Bảng 1. cho thấy Thái độ (A) là thành tố có mức tăng trưởng cao nhất (+1.04). Điều này chứng minh rằng môi trường giáo dục đáp ứng giới đã tác động sâu sắc đến hệ giá trị nội tại, giúp trẻ hình thành bản sắc cá nhân mạnh mẽ.

#### 3.3. Phân tích định lượng và hiệu quả thực chứng chuyên sâu

Để khẳng định giá trị khoa học, tác giả thực hiện phân tích dữ liệu theo hai giai đoạn: (1) Đánh giá xu hướng tăng trưởng trên tổng mẫu N=81 và (2) Kiểm định ý nghĩa thống kê trên mẫu chuẩn N=58 sau khi đã thực hiện quy trình làm sạch dữ liệu.

Giai đoạn 1: Đánh giá xu hướng tăng trưởng trên tổng mẫu N=81

Kết quả thu thập từ hệ thống phiếu khảo sát thông qua bảng 1 cho thấy một sự chuyển biến tích cực và đồng đều trên toàn bộ mẫu thực nghiệm.

Sự hội tụ dữ liệu: Độ lệch chuẩn (SD) giảm từ 0.45 (Tiền kiểm) xuống còn 0.28 (Hậu kiểm). Điều này khẳng định các biện pháp can thiệp đã giúp thu hẹp khoảng cách về nhận thức giới, tạo ra sự phát triển đồng đều cho toàn bộ 81 trẻ trong mẫu thực nghiệm.

Tính bền vững: Tính bền vững trong chuyển biến hành vi: Sự thay đổi không chỉ dừng lại ở chỉ số định lượng mà còn được minh chứng qua các dữ liệu định tính từ quá trình quan sát thực nghiệm. Cụ thể, qua quan sát lâm sàng hành vi của trẻ tại các góc chơi sau giai đoạn can thiệp (được ghi nhận chi tiết tại Nhật ký thực nghiệm và hệ thống ảnh minh họa tại Phụ lục 6, trang 181, Đề án Nguyễn thị Lệ Hằng, 2025), trẻ không còn biểu hiện ngần ngại khi phá vỡ các khuôn mẫu giới cũ. Các dữ liệu quan sát cho thấy: Trẻ nam tham gia nhiệt tình, tự nhiên vào các hoạt động ở góc “Gia đình” (chăm sóc búp bê,

**Bảng 2. Kết quả kiểm định t-Test về sự dịch chuyển năng lực của trẻ (N=58)**

Thành tố năng lực	Trước thực nghiệm (M1±SD1)	Sau thực nghiệm (M2±SD2)	Hiệu số (ΔM)	Giá trị (t)	Ý nghĩa (p)
Kiến thức (K)	3.25± 0.68	4.19± 0.45	0.94	13.75	< .001
Kỹ năng (S)	3.12± 0.72	4.00± 0.48	0.88	11.56	< .001
Thái độ (A)	3.38± 0.82	4.43± 0.42	1.05	12.29	< .001

(Ghi chú: M: Giá trị trung bình; SD: Độ lệch chuẩn;  $\Delta M = M_2 - M_1$ ; Điểm đánh giá theo thang 5 mức độ; TN: Thực nghiệm)

Về tính hiệu lực của can thiệp: Với giá trị  $p < .001$  ở tất cả các thành tố, nghiên cứu khẳng định sự dịch chuyển năng lực của trẻ là thực chất và có ý nghĩa thống kê rất cao. Điều này chứng minh hệ thống 5 biện pháp can thiệp đã tác động hiệu quả đến cấu trúc năng lực của trẻ trong suốt 7 tháng thực nghiệm.

Về sự bứt phá của thành tố Thái độ (A): Thành tố Thái độ ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất ( $\Delta M = 1.05$ ). Đáng chú ý, độ lệch chuẩn (SD) của thành tố này giảm mạnh từ 0.82 xuống còn 0.42. Sự hội tụ dữ liệu này cho thấy các tác động sự phạm đã giải phóng các “định kiến giới tiềm ẩn”, giúp trẻ hình thành một hệ thống niềm tin ổn định và nhất quán, ít bị dao động bởi các nhiễu văn hóa bên ngoài.

Về tính chỉnh thể K-S-A: Sự gia tăng đồng bộ của cả ba chỉ số cho thấy năng lực đáp ứng giới không phát triển rời rạc. Trong đó, sự chuyển biến mạnh mẽ về Thái độ (A) đóng vai trò là “mắt xích” dẫn dắt, tạo điều kiện thuận lợi để trẻ tiếp nhận Kiến thức (K) và thực hành Kỹ năng (S) một cách tự nhiên. Điều này khẳng định môi trường giáo dục đáp ứng giới đã tạo ra không gian an toàn để trẻ bộc lộ làm chủ bản sắc (Child Agency) một cách tự nhiên và bền vững.

Biện luận kết quả: Việc mẫu chuẩn (N=58) cho kết quả tương đồng với tổng mẫu đặc biệt là

nâu ăn); trong khi đó, trẻ nữ bộc lộ rõ năng lực lãnh đạo, tính quyết đoán và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các trò chơi vận động mạnh và góc “Xây dựng”.

Giai đoạn 2: Kiểm định chuyên sâu trên mẫu tinh lọc N=58

Để đảm bảo kết quả không bị nhiễu bởi các yếu tố ngoại lai (như trẻ vắng mặt kéo dài hoặc sai số phản hồi), tác giả tiến hành một bước tinh lọc dữ liệu. Từ mẫu N=81, nghiên cứu trích xuất mẫu chuẩn N=58 (nhóm trẻ tham gia trọn vẹn và nhất quán) để thực hiện kiểm định t-Test.

sự tăng trưởng đột phá của chỉ số Thái độ (ghi nhận mức tăng tương đồng từ +1.04 trên tổng mẫu đến +1.05 trên mẫu chuẩn sau tinh lọc) đã khẳng định tính thực chất của thực nghiệm. Với  $p < .001$ , nghiên cứu xác lập bằng chứng khoa học đánh thép rằng: sự tiến bộ của trẻ là kết quả trực tiếp từ các biện pháp can thiệp, không phải do ngẫu nhiên.

#### IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác lập và thực chứng hệ thống 05 biện pháp xây dựng môi trường giáo dục đáp ứng giới dành cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Dựa trên các phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu rút ra các kết luận trọng tâm sau:

Về tính hiệu quả và thực chất: Hệ thống biện pháp đã tạo ra sự chuyển biến đột phá về năng lực đáp ứng giới của trẻ. Đặc biệt, thành tố Thái độ (A) ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng và nhất quán trên cả tổng mẫu (+1.04) và mẫu tinh lọc (+1.05) như đã trình bày tại Bảng 1 và Bảng 2. Điều này khẳng định sự thay đổi trong hệ giá trị nội tại và quyền làm chủ bản sắc (Child Agency) của trẻ là thực chất, không bị chi phối bởi các sai số ngẫu nhiên.

Về tính ổn định của can thiệp: Việc độ lệch chuẩn (SD) sụt giảm mạnh và duy trì ở ngưỡng thấp sau thực nghiệm (0.28 ở mẫu N=81 và 0.42 ở mẫu N=58) như đã trình bày tại Bảng 1 và

Bảng 2 là minh chứng khoa học cho sự chuyển biến đồng đều. Nghiên cứu khẳng định: Khi môi trường giáo dục được thiết kế để triệt tiêu các rào cản định kiến ngầm định, trẻ sẽ có không gian tối ưu để tự do khám phá và bộc lộ bản sắc cá nhân bền vững.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Chính phủ. (2021). *Nghị quyết số 28/NQ-CP: Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030*.
- CGFED và VVOB Việt Nam. (2018). *Các vấn đề giới trong các văn bản pháp luật và tài liệu hướng dẫn giáo dục mầm non hiện nay*.
- Hoàng Thị Định (Chủ biên). (2019). *Hướng dẫn thực hành áp dụng quan điểm giáo dục Lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Lệ Hằng. (2025). *Xây dựng môi trường giáo dục có đáp ứng giới cho trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non Phong Lan, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng* [Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng].
- Nguyễn Ánh Tuyết. (2013). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- VVOB Việt Nam và CGFED. (2020). *Bộ tài liệu Học thông qua chơi có đáp ứng giới - Quyển 1, 2, 3, 4*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Bandura, A. (1977). *Social learning theory*. Prentice Hall.
- Bem, S. L. (1981). *Gender schema theory: A cognitive account of sex typing*. *Psychological Review*, 88(4), 354–364.
- Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (5th ed.)*. SAGE Publications.
- Kohlberg, L. (1966). *A cognitive-developmental analysis of children's sex-role concepts and attitudes*. Stanford University Press.
- Piaget, J. (1964). *Development and learning*. *Journal of Research in Science Teaching*, 2(3), 176–186.
- Schore, A. N. (2003). *Affect dysregulation and disorders of the self*. W. W. Norton & Company.
- UNICEF. (2022). *Tackling gender inequality from the early years: Strategies for building a gender-transformative pre-primary education system*. UNICEF.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.